

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **58** /2017/DS-ST
Ngày 02/8/2017
V/v " Tranh chấp hợp đồng
Vay tài sản và tranh chấp hui"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuở.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Mỹ.

2. Bà Nguyễn Thị Loan Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yển.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hui" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 02, ấp PT, xã PH, thành phố BT, tỉnh BT (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Mỹ H, sinh năm 1972. Địa chỉ: 52B3, khu phố 4, phường PK, thành phố BT, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Bảo Q, sinh năm 1976. Địa chỉ: 300/10, ấp BA, thị trấn CL, huyện CL, tỉnh BT (vắng mặt). (Theo văn bản ủy quyền đề ngày 03 tháng 7 năm 2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 5 năm 2017, các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Thanh T trình bày như sau:

Bà có tham gia chơi 03 dây hui do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ, cụ thể như sau:

-Hui 5.000.000 đồng, khai ngày 08 tháng 9 năm 2016 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, bà tham gia 01 phần và đóng được số tiền 13.800.000 đồng.

-Hụi 3.000.000 đồng, khai ngày 20 tháng 7 năm 2016 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền 19.340.000 đồng.

-Hụi 2.000.000 đồng, khai ngày 05 tháng 10 năm 2016 âm lịch, mỗi tháng khai 01 lần, bà tham gia 02 phần và đóng được số tiền 3.900.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn bà đóng cho 03 dây hụi là 37.040.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 20 tháng 10 năm 2016, bà H có vay của bà số tiền 80.000.000 đồng nhưng bà H chưa trả lại cho bà.

Bà yêu cầu bà H trả cho bà số tiền hụi và tiền vay là 117.040.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:

-Bà Lê Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Mỹ H trả số tiền hụi là 37.040.000 đồng và số tiền vay là 80.000.000 đồng nên đây là tranh chấp hụi và tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 471, 479 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Bị đơn bà Nguyễn Mỹ H cư trú tại số 52B3, khu phố 4, phường PK, thành phố BT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BT theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Mỹ H sau đó là người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Nguyễn Bảo Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Thanh T có tham gia 03 dây hụi do bà Nguyễn Mỹ H làm chủ, gồm hụi 3.000.000 đồng khai ngày 20 tháng 7 năm 2016 âm lịch, hụi 5.000.000 đồng khai ngày 08 tháng 9 năm 2016 âm lịch, hụi 2.000.000 đồng khai ngày 05 tháng 10 năm 2016 âm lịch. Quá trình chơi hụi, số tiền bà T đã đóng cho bà H của 03 dây hụi là 37.040.000 đồng, số tiền này là hụi vốn. Cuối năm 2016, bà H bẻ hụi, các dây hụi không còn tiếp tục chơi nữa, bà T nhiều lần yêu cầu bà H trả lại số tiền hụi vốn nhưng bà H không trả. Ngoài ra, vào ngày 20 tháng 10 năm 2016 âm lịch, bà H có vay của bà T số tiền 80.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng, mục đích vay để giao hụi cho hụi viên, khi vay có làm giấy nợ. Quá trình thực hiện khi đến hạn bà H chưa trả cho bà số tiền này. Xét thấy, vào ngày 28 tháng 12 năm 2016 bà H có ký tên xác nhận còn nợ bà T số tiền hụi là 37.040.000 đồng và số tiền mượn (vay) là 80.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả lại số tiền nêu trên nhưng bà H không trả cho bà T là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc bà T khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà số tiền 117.040.000 đồng gồm 80.000.000 đồng tiền vay và 37.040.000 đồng tiền hụi là có căn cứ. Vì

vậy, bà H phải có trách nhiệm trả cho bà T số tiền 117.040.000 đồng. Ghi nhận việc bà T chỉ yêu cầu bà H trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của bà T nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

[3] Về lãi suất: Do các đương sự không có thỏa thuận lãi suất và bà T không yêu cầu bà H trả lãi đối với số tiền chậm trả nên Hội đồng xét xử không phải xem xét.

[4] Về án phí:

-Do yêu cầu của bà T được chấp nhận toàn bộ nên bà H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, cụ thể án phí được tính như sau : $117.040.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.852.000 \text{ đồng}$.

-Bà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 26, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

1. Buộc bà Nguyễn Mỹ H trả cho bà Lê Thị Thanh T số tiền 117.040.000 đ (Một trăm mười bảy triệu không trăm bốn chục nghìn đồng), trong đó tiền vay là 80.000.000 đ (Tám mươi triệu đồng), tiền nợ hội là 37.040.000 đ (Ba mươi bảy triệu không trăm bốn chục nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Nguyễn Mỹ H phải chịu 5.852.000 đồng đ (Năm triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

-Bà Lê Thị Thanh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.926.000 đ (Hai triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010823 ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng kiểm tra nghiệp vụ
và THA -TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND Tp. Bến Tre;
- Chi cục THADS Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu V.Phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Thuở